

DỰ THẢO BÁO CÁO

CHO ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA QUỐC HỘI VỀ CÔNG TÁC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

1. Chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức

Trung tâm Thông tin-Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia (nay là Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia) được thành lập ngày 24/9/1990 theo Quyết định số 497/TCCB Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) trên cơ sở sát nhập hai đơn vị thuộc Bộ là:

- Viện Thông tin Khoa học và Kỹ thuật Trung ương;
- Thư viện Khoa học và Kỹ thuật Trung ương.

Ngày 20/6/2003, trên cơ sở Nghị định 54/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành quyết định số 1056/QĐ-BKH-CN đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu Khoa học và Công nghệ Quốc gia thành Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia.

Ngày 13/5/2004, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Quyết định số 11/2004/QĐ-BKH-CN ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia. Theo Điều lệ, Trung tâm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, tổ chức đứng đầu hệ thống các tổ chức thông tin khoa học và công nghệ, thực hiện chức năng thông tin, thư viện trung tâm của cả nước về khoa học và công nghệ. Trung tâm được sử dụng tên gọi truyền thống là "Thư viện Khoa học và Kỹ thuật Trung ương" trong quan hệ đối ngoại với cộng đồng thư viện và giới xuất bản.

Trung tâm có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chủ trương, chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; phát triển nguồn lực thông tin khoa học và công nghệ của đất nước;

2. Thu thập, chọn lọc, xử lý, lưu trữ và phát triển các nguồn tin khoa học và công nghệ trong nước và thế giới, đặc biệt nguồn tin về tài liệu điều tra cơ bản, luận án trên đại học, tài liệu hội nghị, hội thảo khoa học, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành;

3. Tổ chức và thực hiện đăng ký, lưu giữ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

4. Thực hiện nhiệm vụ Thư viện trung tâm của cả nước về khoa học và công nghệ; xây dựng thư viện điện tử quốc gia về khoa học và công nghệ;

5. Tổ chức và thực hiện việc cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, giáo dục, đào tạo, sản xuất, kinh doanh;

6. Xuất bản "Sách Khoa học và Công nghệ Việt Nam"; tạp chí "Thông tin & Tư liệu", ấn phẩm thông tin; công bố danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong nước đang tiến hành và kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nói trên;

7. Phát triển Mạng thông tin khoa học và công nghệ Việt Nam (VISTA), Chợ ảo Công nghệ và Thiết bị Việt Nam;

8. Tổ chức và thực hiện công tác thông tin tuyên truyền khoa học và công nghệ, đưa tri thức khoa học đến với mọi người, đặc biệt là thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi; thông tin khoa học và công nghệ phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

9. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, áp dụng các chuẩn trong lĩnh vực thông tin, thư viện khoa học và công nghệ;

10. Phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ thông tin khoa học và công nghệ;

11. Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ;

12. Được thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực thông tin khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao;

14. Quản lý tổ chức, cán bộ, tài sản và hồ sơ tài liệu của Trung tâm theo sự phân cấp và quy định của Bộ.

Về cơ cấu tổ chức, Trung tâm có 15 đơn vị trực thuộc.

1. Phòng Phát triển hoạt động thông tin khoa học và công nghệ

2. Phòng Phát triển nguồn tin

3. Phòng Cơ sở dữ liệu

4. Phòng Đọc sách

5. Phòng Đọc tạp chí

6. Phòng Tra cứu và cung cấp tài liệu điện tử

7. Phòng Phân tích thông tin

8. Phòng Thông tin thị trường khoa học và công nghệ
9. Phòng Thông tin nông thôn, miền núi
10. Phòng Tin học
11. Phòng Hợp tác quốc tế
12. Phòng Thông tin tuyên truyền khoa học và công nghệ
13. Phòng In - sao
14. Trung tâm Infoterra Việt Nam
15. Văn phòng

Cơ cấu này nhằm đảm bảo cho Trung tâm thực hiện những định hướng lớn trong Chương trình hành động của Trung tâm đến năm 2010.

2. Chương trình hành động

Trong nhiệm kỳ 1999-2003, Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia đã xây dựng chương trình hành động với 4 điểm đột phá.

- Đẩy mạnh thông tin phục vụ các địa phương;
- Đẩy mạnh các sản phẩm và dịch vụ thông tin phân tích;
- Đẩy mạnh dịch vụ thông tin công nghệ;
- Xây dựng và phát triển thư viện điện tử.

Trong giai đoạn từ nay đến 2010, Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia đã xây dựng chương trình hành động "Thông tin Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển nhanh, bền vững đất nước" với một số nội dung chính sau:

- Thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ;
- Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi;
- Tham gia triển khai công tác thống kê khoa học và công nghệ; biên soạn sách khoa học và công nghệ Việt Nam, Sách Khoa học và công nghệ thế giới hàng năm;
- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về khoa học và công nghệ; phổ biến và áp dụng rộng rãi tri thức khoa học trong mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống;
- Xây dựng quy hoạch phát triển thư viện điện tử quốc gia về khoa học và công nghệ.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHAI THÁC, CUNG CẤP VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; CHUYỂN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tổ chức hoạt động thư viện, thực hiện các dịch vụ công

a. Phục vụ đọc sách khoa học và công nghệ

Trong những năm qua nhằm đẩy mạnh công tác và tăng cường chất lượng phục vụ Trung tâm đã phát triển một cách đáng kể và đã có những thay đổi mang tính đột phá trong hoạt động phát triển nguồn lực thông tin là sách KH&CN để phục vụ bạn đọc. Năm 2001, bên cạnh các phòng đọc truyền thống, Trung tâm đã tổ chức Phòng đọc tự chọn đầu tiên ở Việt Nam với tổng diện tích hơn 200m² và hơn 17.000 tên sách khoa học và công nghệ nhập vào Trung tâm từ năm 1996. Đây là phòng đọc mở hiện đại nhất ở Việt Nam, được trang bị một hệ thống quản lý và bảo vệ tài liệu hiện đại gồm: các camera tự động, cổng từ, lấy từ dán bên trong tài liệu (kịp thời phát hiện các trường hợp tự ý mang tài liệu ra ngoài). Toàn bộ kho sách được dán mã vạch (sử dụng mã vạch và thiết bị quét, cán bộ thư viện thực hiện các thao tác cho mượn một cách nhanh chóng, chính xác trên máy tính cá nhân, nhất là khi có đông người cùng một lúc sử dụng thư viện.

Hiện tại thành phần bạn đọc – người dùng tin ở Thư viện của Trung tâm khá đa dạng về thành phần và trình độ học vấn. Ngoài các đối tượng đã được phục vụ là các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy, kỹ sư, bác sỹ, GS, PGS, TS, TSKH thuộc các cơ quan khoa học, các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, các Cục, Vụ, Viện trong cả nước, từ năm 2001 Trung tâm đã mở rộng diện phục vụ tới các sinh viên năm thứ 2 và bạn đọc từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước như các công ty tư nhân, công ty liên doanh với nước ngoài,....

Bạn đọc có thể truy cập mạng VISTA để tìm sách trên mục lục công cộng truy cập trực tuyến 24h/24h. Thư viện Trung tâm còn nhận yêu cầu phục vụ qua điện thoại, qua e-mail cho nhiều cơ quan và cá nhân (như Viện Hải dương Nha Trang, Đại học Cần Thơ, Sở KHMT Tiền Giang, ĐHSP Huế, ĐHBK Đà Nẵng...). Phương thức này được đông đảo bạn đọc viết thư cảm ơn, đánh giá là rất hiệu quả.

Hiện tại, số lượng bạn đọc có đăng ký khoảng 14.000 người, trong đó có khoảng 7.500 là bạn đọc thường xuyên của Phòng đọc sách. Cơ cấu bạn đọc như sau:

- 60% là sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề;
- 15-20%: là GS, PGS, TS, TSKH, cán bộ lãnh đạo, CB giảng dạy, CB nghiên cứu thuộc các trường đại học, Cục, Vụ, Viện, các Bộ, Ngành, cơ quan KH trong cả nước.
- 15%: là CB kỹ thuật, kỹ sư chính xác, kỹ sư các nhà máy, xí nghiệp thuộc khối sản xuất.
- 5%: gồm cán bộ tốt nghiệp đại học, trên đại học, khối công ty liên doanh, công ty TNHH, cán bộ KH nghỉ hưu, bạn đọc là người nước ngoài.

Trung tâm đã cấp hơn 3.200 thẻ mượn về: cho các bạn đọc có trình độ TS, GS, PGS. Trong đó thường xuyên có từ 1.500-1.700 người tích cực mượn sách.

Mức độ phục vụ trong những năm gần đây tăng nhanh chóng. Lượt bạn đọc năm 2003 tăng 64% so với năm 1999, còn lượt tài liệu sử dụng tăng 427% so với năm 1999 (Bảng 2).

	Năm 1999	Năm 2003	So sánh (với năm 1999)
Lượt bạn đọc sử dụng thư viện	35.421	58.128	tăng 64%
Lượt tài liệu được sử dụng	41.981	221.233	tăng 427%

b. Phục vụ đọc tạp chí KH&CN trên giấy và trên vi phim

Phòng đọc tạp chí của Trung tâm có:

- 5340 tên tạp chí tiếng la tinh với khoảng 2.500.000 quyển (số)
- 780 tên tạp chí tiếng Nga với khoảng 187.200 quyển
- 320 tên tạp chí tiếng Việt với khoảng 30.000 quyển.
- 1 kho vi phim gồm 987 tên tạp chí KH&CN dưới dạng phim

Trong hơn 6.400 tên tạp chí đang có ở kho, có khoảng 1000 tên được tiếp tục bổ sung những số mới nhất đến nay (chỉ tính tạp chí được đặt mua, không kể loại trao đổi, tặng v.v... vì loại này thường không đầy đủ và liên tục), lý do cơ bản là do kinh phí hạn hẹp, nên nhiều tên không thể tiếp tục mua dưới dạng giấy mà phải chuyển sang dạng điện tử (lấy trực tiếp trên mạng, mua dưới dạng CD-ROM v.v...), có nhiều tên tạp chí bị đình bản, hoặc chuyển sang tên mới.

Trung tâm đang thực hiện bảo quản tạp chí theo hệ thống các kho sau:

- Phòng đọc tự chọn: mặc dù mới được sửa chữa, nâng cấp, nhưng do diện tích có hạn (khoảng 200 m²), chỉ có thể bày được hơn 500 tên tạp chí bạn đọc hay sử dụng với các số tạp chí của 3 năm mới nhất;

- Kho đóng: 4 tầng (tổng khoảng 800 m²) lưu giữ hơn 6000 tên với khoảng 2.550.000 quyển ;

- Kho dự trữ: 180 m², lưu giữ 700 tên những năm cũ ít người sử dụng với khoảng 42.000 quyển

- Kho phim: lưu giữ toàn bộ tạp chí dưới dạng vi phim của Trung tâm

Là hình thức truyền thống được thực hiện từ khi thành lập, cho đến nay vẫn là loại hình phục vụ quan trọng. Người dùng tin có thể đến trực tiếp phòng Tạp chí, tìm tài liệu theo nhu cầu qua tủ phiếu mục lục hoặc tra tìm trên máy tính trong các CSDL. Sau một quá trình thực hiện tin học hoá thư viện, giờ đây ở phòng đọc tạp chí, ngoài việc mượn và xem tạp chí, các loại hình ấn phẩm của Trung tâm như các thông báo thư mục, bản tin chuyên đề, tổng quan, tổng luận, v.v..., bạn đọc còn có

thể tự khai thác trên máy tính và tiếp cận với các CSDL về tạp chí do Trung tâm xây dựng, truy cập vào các mạng thông tin khác của Việt Nam và khai thác tài liệu trên mạng Internet. Phòng cũng được trang bị máy photocopy để sao chụp tại chỗ phục vụ nhu cầu bạn đọc. Lượng bạn đọc trung bình hiện nay là 70-80 lượt/ngày.

Kho mở tự chọn của phòng được xây dựng và trang bị tương đối hiện đại, đủ chỗ ngồi cho khoảng 50 bạn đọc một lúc, đảm bảo ánh sáng, yên tĩnh và thoáng mát cho người dùng tin đến khai thác tìm tin.

Tài liệu dưới dạng vi phim cũng thường xuyên được bạn đọc quan tâm khai thác, sử dụng (trung bình 3 lượt/ngày). Tuy nhiên việc đọc phim cũng có nhiều hạn chế vì khó đọc được lâu, hiện tại phòng chỉ còn 1 máy đọc, máy chụp từ phim ra giấy không có cũng hạn chế nhiều hiệu quả sử dụng kho phim.

Bên cạnh việc tổ chức phục vụ đọc tại chỗ, bộ phận phục vụ đọc tạp chí còn triển khai các hình thức phục vụ khác như tìm tin theo yêu cầu, phục vụ yêu cầu tin từ xa (người dùng tin có thể đặt yêu cầu qua điện thoại, thư điện tử, FAX,...)

3. Tổ chức phòng tra cứu điện tử phục vụ khai thác và cung cấp thông tin

Cùng với việc triển khai các hình thức phục vụ truyền thống, Trung tâm đã hình thành một khu vực phục vụ hiện đại: Phòng tra cứu điện tử.

Phòng có nhiệm vụ tổ chức khai thác, cung cấp thông tin từ các CSDL nước ngoài và trong nước. Giai đoạn 2000-2004, Bộ phận tra cứu điện tử đã triển khai công tác phục vụ thông tin cho các cơ quan nghiên cứu, trường đại học cụ thể như sau:

Hình thức phục vụ	Kết quả phục vụ
Tổ chức phòng đọc số hoá khai thác các cơ sở dữ liệu trên đĩa CD-ROM, các cơ sở dữ liệu trực tuyến qua mạng Internet	phục vụ 60.138 lượt người dùng tin
- Tra cứu, tìm tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu đột xuất "Hỏi-Trả lời"	giải đáp 2.250 yêu cầu tin. Sao chụp và cung cấp 42.120 trang tài liệu.
- Tìm, chọn lọc, xử lý và cung cấp thông tin theo mục có tóm tắt theo chuyên đề phục vụ các viện nghiên cứu, trường đại học	cung cấp 1350 chuyên đề cho 500 viện nghiên cứu, trường đại học.
- Tìm và cung cấp thông tin toàn văn tài liệu gốc và đặt sao chụp qua Cộng hoà Pháp	phục vụ 531 yêu cầu với 223.245 trang tài liệu sao chụp
- Cung cấp cho các viện nghiên cứu,	1.200.000 trang tài liệu

trường đại học thông tin toàn văn sao trên giấy	
- Tải trực tuyến, xử lý, bao gói thông tin toàn văn lên đĩa CD cung cấp cho các viện nghiên cứu, trường đại học	cung cấp 1500 đĩa CD tương đương 15 triệu trang tài liệu
- Tải, bao gói lưu trữ thông tin toàn văn trực tuyến lên đĩa CD	cung cấp 120 đầu tên tạp chí toàn văn trên 360 đĩa CD, tương đương 3.600.000 trang tài liệu

Tại Khu vực này, người dùng tin khoa học và công nghệ có khả năng truy cập nhiều cơ sở dữ liệu toàn văn trực tuyến (Xem phụ lục về cơ sở dữ liệu), có thể tìm, đọc và tải các bài tạp chí từ hơn 3.800 tạp chí toàn văn. Đây là một hướng phát triển nguồn tin nhằm tiến đến hình thành thư viện điện tử.

Tại khu vực tra cứu điện tử này, bạn đọc được truy cập miễn phí mạng thông tin VISTA của Trung tâm và mạng toàn cầu Internet

4. Đăng ký, lưu giữ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Đăng ký và giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu

Nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ, là động lực thúc đẩy sự phát triển KHCN của đất nước. Do đó việc quản lý, giữ gìn và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là KQNC) được coi là một trong những nhiệm vụ chiến lược hàng đầu của mỗi quốc gia. Ở nước ta, nhiệm vụ này được Đảng, Nhà nước hết sức coi trọng và đã được thể hiện tại các văn bản sau:

- Quyết định số 271 - QĐ ngày 06/06/1980 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ KHCN&MT) ban hành bản quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu KHKT và nộp báo cáo KQNC;

- Thông tư số 648/ THKH của Ủy ban KHKT Nhà nước ban hành ngày 06/06/1980 hướng dẫn thi hành "Quy định về đăng ký Nhà nước đề tài nghiên cứu KHKT và nộp báo cáo KQNC ".

Theo quy định của 2 văn bản trên, tất cả các đề tài sử dụng toàn bộ hoặc một phần kinh phí từ NSNN đều phải đăng ký và giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban KHKT Nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

Đặc biệt, từ tháng 1/2000 khi Luật khoa học và Công nghệ ra đời thì tại Điều 25, mục I, Chương III của Luật quy định: bắt buộc đăng ký và giao nộp các KQNC có sử dụng ngân sách nhà nước tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và khuyến khích đăng ký, hiến tặng đối với các KQNC không sử dụng ngân sách nhà nước.

Nhiệm vụ đăng ký và lưu giữ kết quả NCKH&PTCN (sau đây gọi là Kết quả nghiên cứu – KQNC) được triển khai từ năm 1980 tại Vụ Kế hoạch Bộ KH&CN. Từ năm 1990, nhiệm vụ này được giao cho Trung tâm TTKHCNQG. Trong thời gian qua, lãnh đạo Trung tâm đã chỉ đạo bộ phận đăng ký KQNC thực hiện nhiều biện pháp thúc đẩy, đơn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện các đề tài NCKH&PTCN sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm tăng cường số lượng KQNC đăng ký và giao nộp cho Trung tâm. Hiện số lượng báo cáo đăng ký và lưu giữ tại Kho KQNC của Trung tâm là 5373 báo cáo, phân theo cấp đề tài như sau:

Cấp đề tài	Số lượng báo cáo	Tỷ lệ % trong Kho KQNC
Báo cáo KQNC của đề tài cấp Nhà nước	2497	46%
Báo cáo KQNC của đề tài cấp nhà Bộ	2171	40%
Báo cáo KQNC của đề tài cấp tỉnh	482	9%
Báo cáo KQNC của đề tài cấp cơ sở	223	5%
Tổng số	5373	100%

Nhằm triển khai thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, đầy mạnh, hiện nay Bộ Khoa học và Công nghệ đang soạn thảo Quy chế về giao nộp kết quả nghiên cứu theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

Tình hình giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu như sau:

Năm	Số lượng KQNC	Tỷ lệ tăng so với năm 2000
2000	265	
2001	356	tăng 34%
2002	449	tăng 69%
2003	535	tăng 101%

Tuy nhiên, so với số lượng đề tài thực hiện hàng năm thì số lượng KQNC được đăng ký và giao nộp còn rất khiêm tốn. Sau đây là số liệu so sánh số lượng KQNC đã đăng ký và giao nộp với số lượng đề tài đã thực hiện (cấp Bộ và cấp tỉnh) của các năm 2001 và 2002.

Nói chung tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu còn chưa cao, chưa đạt yêu cầu của công tác quản lý.

b). Lưu giữ KQNC

Các báo cáo KQNC được lưu giữ dưới 2 hình thức:

- ***Bản mô tả trong CSDL KQNC và bản gốc bằng giấy trong Kho KQNC:***

Các báo cáo KQNC được xử lý thông tin và hình thành 2 sản phẩm: bản mô tả KQNC được lưu giữ trong CSDL KQNC nhằm phục vụ cho việc tìm tin và bản gốc KQNC được lưu giữ trong Kho KQNC;

- ***Bản số hoá trên đĩa CD:*** Trong năm 2000, Trung tâm đã triển khai thực hiện Đề án số hoá kho KQNC. Mục tiêu của đề án này là ứng dụng công nghệ số hoá để tổ chức và triển khai kho tài liệu kho KQNC nhằm lưu giữ, bảo quản và sử dụng chúng một cách an toàn, lâu dài và hiệu quả. Hiện đã số hóa được 2271 KQNC (22 đĩa CD), chiếm khoảng 40% số lượng KQNC lưu giữ tại Trung tâm. Vì lý do kinh phí nên việc số hóa không được tiến hành thường xuyên và triệt để.

c) Chuyển giao KQNC phục vụ NCPT

Các báo cáo lưu giữ được sử dụng để phục vụ nghiên cứu KH&CN theo hai hình thức:

- đọc tại chỗ
- Cung cấp bản sao theo yêu cầu
- Chuyển giao kết quả số hoá.

Phục vụ tại phòng đọc KQNC:

- Số lượt người đọc KQNC trung bình hàng năm: ~ 400 lượt
- Số lượt người đọc KQNC năm 2003: 374 lượt. Trong đó:
 - + Cán bộ nghiên cứu: 206
 - + Cán bộ giảng dạy: 112
 - + Sinh viên: 56

Sao chụp KQNC theo yêu cầu (giai đoạn 2000-2004):

- Sao cho mục đích sử dụng cá nhân: 50.000 trang
- Sao cho mục đích chuyển giao thông tin:
 - + Trung tâm Thông tin KHCN Tp Hồ Chí Minh: 70.000 trang
 - + Trung tâm Thông tin KHCN Đà Nẵng: 15.000 trang

Hai Trung tâm này sử dụng bản sao KQNC phục vụ NCPT khu vực Miền Trung và Miền Nam.

Chuyển giao KQNC số hóa

Việc chuyển giao KQNC số hóa chủ yếu được thực hiện theo yêu cầu của các tổ chức KH&CN, phục vụ cho hoạt động NCPT và giảng dạy, theo 2 dạng:

- Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ CSDL KQNC thư mục;

- Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ CSDL KQNC thư mục + báo cáo KQNC số hóa toàn văn tương ứng.

Giai đoạn 2001-2003, đã chuyển giao:

- **Phục vụ phát triển KT-XH vùng sâu, vùng xa:** cung cấp khoảng 10.000 lượt báo cáo KQNC số hóa thông qua Dự án phục vụ thông tin cho phát triển KT-XH vùng sâu, vùng xa;

- **Phục vụ NCPT:** cung cấp trên 2000 báo cáo KQNC số hóa (khoảng 400.000 trang) cho các viện nghiên cứu, các cơ sở sản xuất khu vực phía Nam thông qua Trung tâm TTKHCN Tp Hồ Chí Minh;

- **Phục vụ giảng dạy, học tập:** cung cấp 1300 báo cáo KQNC số hóa (khoảng 250.000 trang) cho Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hồng Đức (Thanh Hóa), Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh.

Phục vụ tra cứu KQNC trên mạng VISTA

Toàn bộ CSDL KQNC thư mục được đưa lên mạng VISTA phục vụ khai thác trực tuyến. Người dùng tin có thể tìm KQNC ở dạng biểu ghi thư mục và liên hệ để được cung cấp bản sao toàn văn báo cáo KQNC (bản photocopy hoặc bản số hóa).

5. XÂY DỰNG MÔ HÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI

5.1. Xây dựng thư viện điện tử khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2001-2004

a. Thư viện điện tử công nghệ nông thôn

Tổng số : 19.044 tài liệu.

Trong đó :

<i>Chủ đề</i>	<i>Số lượng tài liệu</i>
Các vấn đề chung. Thông tin, thư viện, bảo tàng, công nghệ thông tin	250
Triết học và tâm lý học	5
Tôn giáo	8
Khoa hội xã hội và nhân văn. Kinh tế. Giáo dục. Công nghệ truyền thống. Bưu chính viễn thông. Văn bản pháp luật. Giao thông công chính. Văn hóa dân gian. Thông tục học.	645
Ngôn ngữ	6

Khoa học tự nhiên và toán học	91
Khoa học kỹ thuật và công nghệ. Nông, lâm, ngư nghiệp. Thủy lợi. Y tế. Xây dựng. Quản lý sản xuất. Chế tạo máy. Bảo vệ môi trường. Xử lý phế thải. May mặc. Hóa chất. Gốm, sành sứ, thủy tinh. Bông, vải, sợi.	17.016
Nghệ thuật . Hội họa. Âm nhạc. Phim	963
Văn học	8
Địa lý và lịch sử	44

b. Thư viện điện tử Phim khoa học và công nghệ: 133 phim hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, thú y

c. CSDL chuyên gia, tổ chức tư vấn với 720 tổ chức và trên 2.500 chuyên gia thuộc các lĩnh vực khoa học và kỹ thuật.

Số tỉnh đã và đang áp dụng mô hình cung cấp thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế – xã hội nông thôn và miền núi

<i>STT</i>	<i>Tỉnh</i>	<i>Huyện/thị/xã, phường</i>	<i>Số học viên được đào tạo</i>
1	Ninh Bình	3	12
2	Hòa Bình	2	6
3	Điện Biên	2	6
4	Yên Bái	2	6
5	Bắc Kạn	2	5
6	Thái Nguyên	1	3
7	Đồng Nai	11	30
8	Quảng Nam	3	9
9	Tiền Giang	1	2
10	Bà Rịa – Vũng Tàu	4	10
11	Bình Định	3	9
12	Kon Tum	4	10
	Cộng	38	108

5.2. Xây dựng các trang điện tử (Web site) cho các xã: 14 trang web site

5.3. Tư liệu hóa các gương nông dân làm ăn giỏi, kinh nghiệm sản xuất, tiến bộ kỹ thuật tại huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên: 212 gương điển hình, trên 600 kinh nghiệm sản xuất và 96 tiến bộ kỹ thuật.

5.4. Hiệu quả sử dụng thư viện điện tử:

Số lượng bạn đọc thư viện điện tử: 28 người/tháng. Ví dụ tại xã Thanh Nua, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Theo báo cáo của Ông Chủ tịch xã Lò Văn Tiên, trong 5 tháng từ 8/2003 đến 1/2004 đã có 138 người tới lấy tin từ thư viện điện tử, với 145 tài liệu. Mỗi tin có số trang nhiều nhất là 72, ít nhất là 2.

Các tin được nông dân tư xử lý và áp dụng vào sản xuất. Việc lớn như áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế của địa phương. Ví dụ, Xã Đông Phong huyện Nho Quan truy cập thư viện điện tử KH & CN đã chọn ra giống lúa lai 2 dòng bồi tạp Sơn Thanh của Trung Quốc, nghiên cứu, so sánh với điều kiện của địa phương và quyết định gieo trồng trên diện tích 600 mẫu (tương đương 216 ha) trong tổng số 900 mẫu của xã, bình quân năng suất đạt 5,4 tấn/ha, tăng 1,3 tấn/ha so với giống cũ. Cũng thông qua thư viện điện tử, xã đã tìm ra giống lạc MD7 cho năng suất cao phù hợp với đất bạc màu của địa phương, đã quyết định tới viện gen di truyền mua 1,7 tấn lạc giống. Dự kiến năng suất tăng 27-35% so với giống cũ. Đợt rét cuối năm 2002, đợt nhiên đàn ong của xã bị bệnh, nhờ thông tin trong thư viện điện tử xã đã chữa chạy kịp thời cho đàn ong.

Trang điện tử (Web site) của xã trên Internet ví như chợ điện tử, giúp xã tiếp thị nhanh chóng các sản phẩm và dịch vụ của mình, không phụ thuộc vào không gian và thời gian, tránh được sự ép giá của tư thương, định giá đúng giá trị của sản phẩm hoặc dịch vụ của xã mình. Ví dụ, Qua trang Web của xã Thanh Nua, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên trên <http://www.vista.gov.vn>, Công ty Minh Trần liên doanh với Nhật Bản, tp Hồ Chí Minh đã đặt mua qua trang web của chị Lò Thị Hoa, hàng thổ cẩm trị giá 1.000.000 đồng. Chị Lê Thị Kiều Vân, Công ty Mỹ Phương, tp Hồ Chí Minh mua của chị Lò Thị Hoa hàng thổ cẩm trị giá 400.000 đồng.

Trung tâm thông tin khoa học và công nghệ tại xã là nơi giao lưu, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, quản lý xã hội và gia đình, của hội viên các hội phụ nữ, hội làm vườn, hội sinh vật cảnh, làng nghề, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

III. PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KH&CN VÀ TƯ LIỆU HÓA, CUNG CẤP THÔNG TIN KH&CN

Kinh phí cho các hoạt động của Trung tâm được trích từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ. Hàng năm Trung tâm được cấp khoản kinh phí khoảng 12-13 tỷ đồng.

Tỷ lệ phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ phân bổ như sau:

- Khoảng 50%-56% cho mua sách báo, tạp chí cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động thư viện khoa học và kỹ thuật trung ương;
- Khoảng 8%-11% chi cho kết nối Internet phục vụ vận hành mạng VISTA
- Khoảng 9%-11% chi cho các hoạt động tạo lập các sản phẩm thông tin
- Khoảng 2,5-5% chi cho tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật
- Số còn lại chi cho quỹ lương và hoạt động bộ máy.

Trung tâm chú ý sử dụng đảm bảo nguồn tài liệu cho thư viện và các nguồn tin khác cho hoạt động xử lý thông tin.

Hàng năm Trung tâm đều cố gắng dành kinh phí để phát triển từng bước cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ bạn đọc và người dùng tin.

IV. CHỢ CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ VIỆT NAM

Trong thời gian qua, Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia đã tổ chức được một số techmart đạt kết quả tốt, có tác dụng trong hình thành và phát triển thị trường KH&CN..

1- Techmart 1994:

Techmart 1994 được hợp tác tổ chức giữa Tổ chức Chuyển giao Công nghệ Châu Á - Thái Bình Dương và Trung tâm thông tin tư liệu KH&CN Quốc gia.

Mục tiêu đề ra:

- 100 đơn vị trong và ngoài nước tham gia
- Tiêu chí đơn giản: các đơn vị có công nghệ chào bán đều được tham gia
- Nội dung: Trưng bày, giới thiệu, không có hội thảo, không có khen thưởng.

Kết quả đạt được:

- 130 doanh nghiệp nước ngoài và Việt Nam tham gia (nước ngoài chiếm 90%, 10% là các Viện nghiên cứu và doanh nghiệp của Việt Nam)
- Trưng bày giới thiệu hơn 300 công nghệ và thiết bị
- Hơn 150 cuộc gặp gỡ trao đổi tiếp xúc

2. Techmart Belarus 2000

Techmart Belarus 2000 có tên gọi "Những ngày KH&KT của Cộng hòa Belarus tại Việt Nam" do Ủy ban Khoa học, Công nghệ Belarus hợp tác với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Việt Nam tổ chức tại Việt Nam.

Nội dung:

- 20 gian hàng trên 500m²

- Trưng bày giới thiệu hơn 100 công nghệ, thiết bị và sản phẩm của Belarus thuộc các lĩnh vực sau:
 - + Vô tuyến điện tử
 - + Công nghệ sinh học
 - + Trang thiết bị y tế
 - + ứng dụng tin học

Kết quả:

- Khoảng hơn 1.500 lượt người đến tìm hiểu công nghệ và thiết bị
- Ký kết được 20 bản hợp đồng chuyển giao công nghệ và 10 bản ghi nhớ

3. Techmart Trung Quốc 2001:

Techmart Trung Quốc 2001 là cuộc Triển lãm Kỹ thuật đốm lửa và các công nghệ thích hợp của Trung quốc. TRIỂN lãm có quy mô:

- 20 gian hàng của các viện nghiên cứu Trung Quốc
- Khoảng 1500 lượt người đến tham quan và tìm hiểu công nghệ và thiết bị
- Hơn 20 hợp đồng và biên bản ghi nhớ được ký kết

4. Techmart Hàn Quốc 2002

- 22 gian hàng của các viện nghiên cứu và doanh nghiệp Hàn Quốc
- Hơn 2000 lượt người đến tham quan, tìm hiểu công nghệ và thiết bị
- Ký kết hơn 30 hợp đồng và biên bản ghi nhớ

Đánh giá chung về các techmart 1994, 2000,2001,2002:

- Đây là các triển lãm giới thiệu thành tựu KH&CN của nước ngoài muốn tìm đối tác, bạn hàng của Việt Nam mang hình thức Chợ vì nội dung chuẩn bị tìm kiếm đối tác để kết nối giữa cung và cầu công nghệ trước khi khai mạc được tiến hành như hình thức của Chợ công nghệ và thiết bị.
- Qua các Techmart này, các đơn vị Việt Nam có thể tìm thấy các công nghệ thích hợp và các chuyên gia công nghệ để hợp tác nghiên cứu.
- Đây là một hình thức hợp tác KH&CN rất có hiệu quả, phía Việt Nam tập hợp các nhu cầu công nghệ, sau đó thông báo cho bạn, phía Bạn sẽ tập trung những công nghệ thích hợp cần thiết sang giới thiệu, trưng bày. Từ đó tạo thành nguồn công nghệ trên Chợ ảo công nghệ và thiết bị để tổ chức khai thác đáp ứng cho các nhu cầu công nghệ trong nước và mở ra hướng hợp tác công nghệ nghiên cứu đưa vào ứng dụng, chi phí sẽ giảm nhiều so với nhập công nghệ.

V- Techmart Việt Nam 2003:

Dự kiến Techmart Vietnam 2005 sẽ có khoảng 200 đơn vị trong cả nước có công nghệ và thiết bị tiên tiến chào bán và khoảng 50 đơn vị nước ngoài giới thiệu, chào bán công nghệ và thiết bị.

1.2- Đối tượng tham dự chào bán công nghệ và thiết bị

Đối tượng chính tham gia chào bán công nghệ và thiết bị tại Techmart Vietnam 2005 bao gồm:

- Các tổ chức KHCN:
- + Các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
- + Các trường đại học, học viện và cao đẳng
- + Các tổ chức dịch vụ KHCN
- Các doanh nghiệp Việt Nam
- Các tổ chức KHCN và doanh nghiệp nước ngoài
- Các tổ chức, tập thể, cá nhân có công nghệ và thiết bị chào bán.

1.3- Lĩnh vực và tiêu chí sản phẩm giới thiệu chào bán

Đây là Chợ công nghệ và thiết bị tổng hợp, đa ngành, Ban Tổ chức chủ trương không giới hạn lĩnh vực tham gia Techmart và khuyến khích các tổ chức KHCN, doanh nghiệp, tập thể và cá nhân giới thiệu chào bán công nghệ, thiết bị trong mọi lĩnh vực. Chú trọng những công nghệ và thiết bị liên quan đến sản xuất các sản phẩm xuất khẩu, sản phẩm có ưu thế cạnh tranh, sản phẩm phải giảm thuế nhập khẩu.

1.4- Tiêu chí lựa chọn công nghệ và thiết bị

Công nghệ và thiết bị được đề nghị giới thiệu, chào bán là những công nghệ và thiết bị đáp ứng **một trong những tiêu chí sau:**

- Công nghệ và thiết bị là kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của các tổ chức KHCN, của các doanh nghiệp trong nước, nước ngoài và của các tập thể và cá nhân đã được kiểm nghiệm, ứng dụng thành công;
- Những công nghệ đã hoàn thiện, sẵn sàng để chuyển giao;
- Công nghệ và thiết bị đảm bảo chất lượng và giá rẻ hơn so với ngoại nhập;
- Công nghệ và thiết bị đã được đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp.

Công nghệ và thiết bị của nước ngoài giới thiệu tại Techmart phải có chất lượng cao, giá cả hợp lý, phù hợp với nhu cầu công nghệ trong nước.

1.5- Tiêu chí đánh giá khen thưởng

Tổ chức bình chọn và khen thưởng cho các công nghệ và thiết bị tiêu biểu theo từng nhóm ngành. Việc đánh giá khen thưởng có thể dựa trên một số tiêu chí như:

- Số lượng bản ghi nhớ, hợp đồng chuyển giao được ký kết;
- Chất lượng và trình độ công nghệ (Ban tổ chức đã xây dựng quy chế xét thưởng bao gồm tiêu chí và phương pháp đánh giá công nghệ và thiết bị; thành lập Hội đồng chuyên ngành để tuyển chọn công nghệ và thiết bị được xét thưởng)
- Hình thức trưng bày, trang trí giới thiệu đẹp, ấn tượng, hấp dẫn;

1.6-Tiêu chí đánh giá kết quả Techmart

- Số lượng các hợp đồng, ghi nhớ, thoả thuận đã được ký kết giữa các tổ chức chào bán công nghệ-thiết bị và các đơn vị, cá nhân có nhu cầu công nghệ, thiết bị.

- Tổng giá trị chuyển giao công nghệ được thực hiện theo các bản ghi nhớ hoặc hợp đồng trong thời gian diễn ra Techmart.

- Số lượng các tổ chức KHCVN tham gia giới thiệu chào bán công nghệ.

- Số lượng các công nghệ, thiết bị được chào bán.

- Số lượng, số lượt các tổ chức, doanh nghiệp, các đơn vị, cá nhân đến Chợ và tham gia đàm phán, thoả thuận.

- Đánh giá phản ứng của các tổ chức KHCVN, các doanh nghiệp về hình thức Techmart, tác động của Techmart đối với sự hình thành và phát triển thị trường công nghệ; sự quan tâm của xã hội đến Techmart.

2- Kết quả đạt được:

Sau 3 ngày diễn ra, Chợ công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 đã thành công với kết quả vượt xa sự mong đợi của Ban Tổ chức. Hầu hết các chỉ tiêu đề ra ban đầu đối với Chợ này đều đã đạt và vượt. Kết quả cụ thể như sau:

- Có 319 đơn vị tham gia (285 đơn vị trong nước, 34 đơn vị nước ngoài) - vượt 69 đơn vị so với chỉ tiêu, trong đó:
 - Gần 100 viện, phân viện và trung tâm nghiên cứu;
 - 50 đơn vị thuộc 11 trường đại học;
 - Hơn 100 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau;
- Có 49 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương tham gia;
- 34 đơn vị nước ngoài đến từ các nước Hàn Quốc, Hoa Kỳ, CHLB Đức, Israel, Ấn Độ, Singapore, Rumani;

- Gần 400 gian hàng (350 gian chuẩn, diện tích trong nhà bạt và ngoài trời tương đương gần 50 gian)- vượt gần 150 gian so với chỉ tiêu;
- Trên 2.000 công nghệ, thiết bị và dịch vụ được giới thiệu và chào bán, trong đó tuyệt đại đa số (95%) công nghệ và thiết bị trong nước;
- 676 hợp đồng và Bản ghi nhớ đã được ký kết, trong đó:
 - 334 hợp đồng mua bán công nghệ, thiết bị với trị giá trên 1.000 tỷ đồng;
 - Có những hợp đồng đạt trị giá rất lớn (11,19 triệu USD);
 - Có những đơn vị đã ký kết tới hơn 50 hợp đồng mua bán công nghệ với trị giá hàng chục tỷ đồng.
- Các đơn vị nước ngoài được nhiều người quan tâm tìm hiểu. Các gian hàng của Hàn Quốc đã ký kết 70 hợp đồng mua bán công nghệ với tổng giá trị đạt 2 triệu USD;
- Chợ đã đón 180.000 lượt khách đến thăm;
- Ba (03) hội thảo khoa học và một buổi giao lưu đã được tổ chức và thu hút được trên 500 đại biểu tham dự, góp phần làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề liên quan đến tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta;
- Chợ Công nghệ và thiết bị ảo ([http:// www.techmartvietnam.com.vn](http://www.techmartvietnam.com.vn)) đã được xây dựng và đi vào hoạt động từ một tháng trước khi Chợ khai trương chính thức. Chỉ tính từ ngày 9 tháng 10/2003 đến nay cổng giao dịch điện tử này đã có hơn 104.500 lượt người truy cập để giao dịch và tìm kiếm thông tin về chuyển giao công nghệ;
- Hội đồng xét thưởng cùng các Hội đồng chuyên ngành đã thẩm định, đánh giá và chọn ra 141 công nghệ và thiết bị trong số hơn 2000 CNTT chào bán tại Techmart được tặng thưởng huy chương Techmart Vietnam;
- Tặng bằng khen cho các đơn vị và cá nhân đã tham gia và đóng góp tích cực cho sự thành công của Chợ.

3- Đánh giá những thành công

Chợ Công nghệ và Thiết bị Việt Nam 2003 là một hoạt động lớn nhất của KH&CN trong năm 2003. Sự kiện này đánh dấu một bước đột phá quan trọng, sự khởi đầu mãnh liệt và hào hứng của thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta. Thành công của Techmart có ý nghĩa lớn, tác động tới nhiều mặt của đời sống xã hội.

Về chính trị-xã hội:

- Techmart đã cụ thể hoá một số định hướng quan trọng của Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX) về KH&CN thông qua việc hỗ trợ tạo dựng mối quan hệ giữa nghiên cứu và sản xuất và tạo lập thị trường KH&CN. Hàng trăm biên bản ghi nhớ đã được ký kết ngay tại Chợ chứng tỏ đã có không ít mối quan hệ giữa các nhà khoa học và các doanh nhân đã được hình thành. Việc mua, bán và chuyển giao công nghệ cũng đã được xúc tiến thông qua hàng trăm hợp đồng được ký kết;
- Techmart cho thấy xã hội đã đánh giá đúng hơn sự đóng góp của khoa học và công nghệ đối với sự tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những năm qua. Mặc dù, trình độ của nhiều công nghệ có thể chưa cao nhưng sự hùng hậu về số lượng và chủng loại đã thể hiện được sự nỗ lực sáng tạo không mệt mỏi của các nhà khoa học, các nhà sản xuất trong nhiều năm so với nguồn đầu tư chưa phải là nhiều của Nhà nước trong thời gian qua. Sự đa dạng các chủng loại của công nghệ chào bán đã làm cho xã hội phải thừa nhận rằng KH&CN thực sự đang có mặt trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Sự tiến tiến của một số công nghệ so với khu vực đã khẳng định được nỗ lực vượt bậc một số tổ chức nghiên cứu và phát triển cũng như nhiều nhà khoa học trong nền kinh tế thị trường.

Về Khoa học và công nghệ:

- Khẳng định tổ chức Chợ Công nghệ và Thiết bị là đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng của các cơ quan nghiên cứu phát triển công nghệ, các đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Techmart đã giúp các nhà khoa học tìm hiểu và khám phá thêm về thị trường và các yêu cầu của thị trường. Thông qua Chợ, nhiều nhà khoa học đã tìm được thị trường mới cho công nghệ của mình và nhiều doanh nghiệp và địa phương đã tìm thấy công nghệ và thiết bị tồn tại ngay trong nước mà bấy lâu nay họ đang tìm kiếm để mở rộng sản xuất. Bên cạnh đó, các nhà khoa học, các viện nghiên cứu cũng đã thu thập được không ít những ý kiến đóng góp của khách hàng để điều chỉnh công tác nghiên cứu cho sát với yêu cầu của thực tiễn;
- Techmart đã giúp các nhà quản lý thấy được rõ thêm một số điểm yếu cần được khắc phục trong việc tổ chức một thị trường khoa học và công nghệ thực sự ở Việt Nam. Bên cạnh những vấn đề cần hoàn thiện về sở hữu công nghiệp, vấn đề về thông tin và tư vấn KH&CN và vai trò của các doanh nghiệp trung gian trong việc chuyển hoá các sản phẩm KH&CN của các nhà khoa học thành những sản phẩm, hàng hoá đã được nhận thức một cách đầy đủ hơn;
- Việc xét thưởng và trao thưởng là rất cần thiết, trên thực tế đã thu hút sự quan tâm của các tập thể, cá nhân và coi đây là nguồn động viên lớn đối với các tác giả của CNTB.

Đối với sản xuất:

- Techmart đã làm cho các doanh nghiệp, các nhà sản xuất và các địa phương nhận thức đúng hơn về năng lực thực sự của các nhà khoa học và công nghệ Việt Nam. Với qui mô quốc gia, Techmart đã tạo cơ hội để nhiều công nghệ, thiết bị của các tỉnh phía Nam và miền Trung được thâm nhập vào thị trường miền Bắc và ngược lại;
- Techmart nói chung và chợ công nghệ ảo nói riêng đã tạo cho các doanh nghiệp, các nhà sản xuất thói quen ban đầu trong việc lựa chọn, tìm kiếm công nghệ, thiết bị khi cần giải quyết các vấn đề kỹ thuật do sản xuất đặt ra.

Về hiệu quả kinh tế:

Thành công lớn của Chợ Công nghệ và thiết bị là việc ký kết được hơn 300 biên bản ghi nhớ và hơn 300 hợp đồng chuyển giao công nghệ và thiết bị với tổng giá trị khoảng 1.000 tỷ đồng:

- Việc ký kết hợp đồng này khẳng định công nghệ trong nước có tính cạnh tranh và thực sự trở thành hàng hoá;
- Các doanh nghiệp trong nước và các địa phương đã thực sự quan tâm đến việc sử dụng công nghệ trong nước trong việc đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra sản phẩm mới;
- Tuy các công nghệ và thiết bị được mua và bán tại Chợ với giá trị khoảng 1.000 tỷ đồng, song đây là tư liệu sản xuất để tạo ra nhiều ngàn tỷ đồng khác cho xã hội và tạo ra nhiều công ăn việc làm mới.

Đối với phong trào cải tiến kỹ thuật:

Sự tôn vinh một cách đúng mức các sáng kiến cải tiến kỹ thuật của các cá nhân là nông dân, công nhân tại Chợ lần này là niềm động viên, khuyến khích rất lớn đối với những người giàu say mê và sáng tạo trong sản xuất. Sự tôn vinh này làm dấy lên phong trào thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong toàn xã hội nhằm phát huy mọi nguồn lực cho việc tăng năng xuất lao động, nâng cao chất lượng của sản phẩm và giảm chi phí sản xuất.

V. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trong thời gian tới, Trung tâm tập trung vào một số hướng lớn như sau:

- Thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường khoa học và công nghệ;
- Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi;

- Tham gia triển khai công tác thống kê khoa học và công nghệ; biên soạn sách khoa học và công nghệ Việt Nam, Sách Khoa học và công nghệ thế giới hàng năm;

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức của xã hội về khoa học và công nghệ; phổ biến và áp dụng rộng rãi tri thức khoa học trong mọi lĩnh vực sản xuất và đời sống;

- Xây dựng quy hoạch phát triển thư viện điện tử quốc gia về khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở những định hướng này, Trung tâm có một số kiến nghị như sau:

1. Có chương trình tuyên truyền, phổ biến để nhân nhanh mô hình thư viện điện tử ở khu vực nông thôn miền núi. Đặc biệt cung cấp kinh phí để phát triển thư viện điện tử cho các khu vực miền núi, Tây Nguyên,...

2. Nhà nước đảm bảo tăng đều kinh phí cho mua tài liệu khoa học và công nghệ. Hiện nay giá tài liệu tăng trung bình 15%. Nếu kinh phí giữ nguyên như năm trước thì số lượng mua được cũng sẽ giảm. Do đó cần có kinh phí để đảm bảo bổ sung tài liệu ổn định cho hoạt động thư viện

3. Yêu cầu các Bộ, ngành và địa phương thực hiện tốt công tác đăng ký và giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu. Hiện nay tình hình đăng ký và giao nộp báo cáo kết quả nghiên cứu cấp bộ và địa phương còn nhiều bất cập. (Xem bảng)

	Năm 2001	Năm 2002
Đề tài cấp Bộ:		
- Số lượng đề tài đã thực hiện	2344*	2984*
- Số lượng KQNC đã đăng ký và giao nộp	244	269
- Tỷ lệ (đăng ký, giao nộp / thực hiện)	10%	9%
Đề tài cấp tỉnh:		
- Số lượng đề tài đã thực hiện	1551*	1811*
- Số lượng KQNC đã đăng ký và giao nộp	45	51
- Tỷ lệ (đăng ký, giao nộp / thực hiện)	~3%	~3%

4. Ông hệ và hỗ trợ xây dựng quy hoạch phát triển thư viện điện tử quốc gia về khoa học và công nghệ tại khu vực 26 Lý Thường Kiệt.

PHỤ LỤC:

1. Cơ sở dữ liệu do trung tâm tự xây dựng

- CSDL BOOK: bao gồm 100.000 biểu ghi thư mục về sách KH&CN của Trung tâm;

- CSDL STD: bao gồm 57.000 biểu ghi thư mục các bài trong các tạp chí KH&CN của Việt Nam

- CSDL SCITEC: bao gồm 250.000 biểu ghi thư mục các bài trong các tạp chí KH&CN nước ngoài;

- CSDL KQNC: bao gồm 5373 biểu ghi thư mục các báo cáo KQNC được đăng ký và lưu giữ tại Trung tâm;

- Các CSDL về tạp chí:

+ CSDL tên tạp chí: 6576 biểu ghi, bao gồm toàn bộ tên các tạp chí có ở Trung tâm, được mô tả theo quy tắc quốc tế về ấn phẩm định kỳ, cập nhật hàng tuần

+ CSDL trang mục lục từng số tạp chí: 14.405 biểu ghi, có từ 1997 đến nay, cập nhật hàng tuần

+ CSDL mục lục liên hợp tạp chí nước ngoài có tại Việt nam: 3585 biểu ghi gồm tạp chí KH&CN tiếng nước ngoài của 50 cơ quan thông tin, thư viện lớn ở Việt nam, có từ 1990 đến nay, cập nhật hàng năm (4 cơ quan)

+ CSDL tần số sử dụng tạp chí của bạn đọc: 16.400 biểu ghi, theo dõi việc sử dụng tạp chí của bạn đọc với các thông tin về người đọc, tên tạp chí, thời gian sử dụng v.v... có từ 1997 đến nay, cập nhật hàng tháng

CSDL nước ngoài

3.2.1. Các loại CSDL chính

- **CHEMICAL ABSTRACTS (CA):** Là CSDL thư mục về hoá học, công nghiệp hoá chất hàng đầu thế giới với hơn 10 triệu biểu ghi thư mục có tóm tắt từ các tạp chí, sáng chế phát minh, báo cáo kỹ thuật, tài liệu chuyên khảo, báo cáo hội thảo - hội nghị quốc tế, các hội nghị chuyên đề, các luận văn của toàn thế giới. Mức độ cập nhật của CA là 650.000 tài liệu tóm tắt/năm.

Chemical Abstracts cung cấp những thông tin khoa học và kỹ thuật về các lĩnh vực như: Hoá sinh (Biochemistry); Hoá lý (Physical Chemistry); Hoá phân tích (Analytical Chemistry); Hoá hữu cơ (Inorganic Chemistry); Hoá ứng dụng (Applied Chemistry); Kỹ thuật hoá học (Chemical Engineering); Hoá học cao phân tử (Macromolecular Chemistry); Hoá hữu cơ (Organic Chemistry).... Chemical Abstracts là CSDL được bao gói trên đĩa CD kèm khoá cứng để bảo vệ bản quyền và được cập nhật hàng tháng.

- **DIALOG ONDISC PASCAL:** Là CSDL thư mục về khoa học, công nghệ, kinh tế và y học do Viện Thông tin khoa học kỹ thuật (INIST) trực thuộc Hội đồng nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp xây dựng. Pascal với gần 10 triệu biểu ghi có tóm tắt từ 10.000 tạp chí khoa học, tài liệu hội nghị-hội thảo KHCN, bằng sáng chế phát minh, báo cáo kỹ thuật của Pháp và thế giới và được cập nhật 450.000 biểu ghi mỗi năm. Pascal được bao gói trên đĩa CD-ROM, từ năm 2004 có thể truy cập trực tuyến theo địa chỉ : [HTTP://www.dialogatsite.com](http://www.dialogatsite.com).

- **CSDL IEEE:** Là cơ sở dữ liệu toàn văn trên đĩa CD, DVD do Viện kỹ thuật điện, điện tử Mỹ sản xuất. IEEE chứa gần 800.000 tài liệu toàn văn từ 162 tạp chí toàn văn, 12.000 tài liệu tiêu chuẩn, báo cáo hội nghị, hội thảo của thế giới thuộc các lĩnh vực điện, năng lượng, điện tử, viễn thông, tin học liên quan đến các lĩnh vực kinh tế quốc dân. IEEE ra đời từ năm 1988 đến nay và hàng tháng được cập nhật 25.000 trang tài liệu toàn văn. Từ năm 2004 Trung tâm thông tin KHCN quốc gia thôi không mua CSDL này vì không đủ kinh phí.

- **SCIENCEDIRECT:** [HTTP://www.sciencedirect.com](http://www.sciencedirect.com) Là cơ sở dữ liệu toàn văn truy cập trực tuyến các tạp chí khoa học, y học hàng đầu thế giới của nhà xuất bản Elsevier. Sciencedirect bao quát thông tin toàn văn của 1800 tạp chí hàng đầu thế giới và thông tin toàn văn của 4 triệu bài từ các tạp chí trên có thể truy cập trên mạng trực tuyến trước khi tạp chí đó được công bố dưới dạng bản in ít nhất là 30 ngày. Sciencedirect lưu giữ trên mạng thông tin toàn văn được hồi cố theo thời gian ít nhất là 10 năm, do vậy Sciencedirect trở thành nguồn thông tin thiết yếu, tiện ích của hàng triệu nhà khoa học trên toàn thế giới. Hiện nay Trung tâm thông tin KHCN quốc gia đã mua 180 tạp chí trực tuyến trong CSDL Sciencedirect.

- **EBSCO:** [HTTP://search.epnet.com](http://search.epnet.com) EBSCO bao gồm 15 CSDL truy cập trực tuyến thông tin toàn văn từ hơn 12.000 tạp chí, bản tin, báo chí, tài liệu hội thảo, hội nghị trên thế giới thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học xã hội, kinh tế tài chính, quản trị kinh doanh, y học, dược học, môi trường, và được kết nối với hơn 60 nhà xuất bản trên toàn thế giới. Hiện nay Trung tâm thông tin KHCN quốc gia đã mua 2 CSDL toàn văn truy cập trực tuyến của EBSCO : Academic Search Premier là CSDL toàn văn về khoa học và công nghệ cung cấp thông tin toàn văn từ 3500 tạp chí, bản tin, báo cáo hội thảo hội nghị, trong đó có nhiều tạp chí hồi cố từ năm 1975 đến nay. Business Source Premier là CSDL toàn văn về kinh tế, quản trị kinh doanh cung cấp thông tin toàn văn từ 1.100 tạp chí, bản tin, báo cáo, trong đó có 350 tạp chí, bản tin hồi cố từ năm 1922 đến nay.

TỔNG KINH PHÍ KHAI THÁC VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN KH&CN TỪ 2000-2004

Năm/tỷ lệ %	Tổng chi (tỷ đồng)					Tổng chi	Tổng thu (dịch vụ)
	Bộ máy và lương	Mua sách, báo, tạp chí-CSDI	Khai thác kết nối Internet	Tạo lập sản phẩm dịch vụ	Tăng cường cơ sở vật chất		
2000	1.905 16,5%	6.500 56,3%	1.120 9,7%	1.411 12,3%	0.600 5,2%	11.536	1.406 12,1%
2001	2.276 18,7%	6.500 53,6%	1.960 16,1%	1.100 9,0%	0.280 2,3%	12.116	0.662 5,4%
2002	1.748 15,24%	7.000 61%	1.200 10,4%	1.220 10,6%	0.300 2,6%	11.468	1.613 14%
2003	3.465 24,4%	7.500 52,9%	1.200 8,4%	1.500 10,5%	500 3,5%	14.156	1.226 8,6%
Tổng từ 2000-2003	9.394	27.500	5.480	5.231	1.680	49.276	4.907

Nhận xét:

- Trung bình 66% tổng kinh phí dành cho mua tài liệu cũng như xử lý để tạo ra các sản phẩm để cung cấp thông tin tới người dùng;

- Kinh phí mua tài liệu thay đổi phù hợp với xu thế phát triển chung trong hoạt động thông tin thư viện. Đó là tỷ lệ kinh phí mua tài liệu điện tử, bao gồm cả trên CD-ROM và qua truy nhập trực tuyến tăng dần. 2 năm gần đây đạt tới 30% kinh phí mua tài liệu.

- Kinh phí đảm bảo kết nối và khai thác thông tin trên Internet, mặc dù không tăng theo giá trị tuyệt đối, song do giá cước giảm nên dung lượng đường truyền tăng đáng kể. Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng kết nối và khai thác cho các hộ người dùng của mạng ngày càng tăng cần được đầu tư để tăng lên tới 2 Mb.

- Tổng thu: đạt xấp xỉ 10% so với kinh phí đảm bảo cho công tác thông tin. Tuy nhiên, xu hướng này đang có chiều hướng tăng dần.